

22. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 12 và năm 2021

	Ước tính tháng 12 năm 2021	Ước tính năm 2021	Tháng 12 năm 2021 so với tháng trước (%)	Tháng 12 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 (%)	Năm 2021 so với năm 2020 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	265,74	7.594,38	102,90	21,68	58,54
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	265,74	7.594,38	102,90	21,68	58,54
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	34.099,89	897.633,67	103,43	21,78	57,10
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	34.099,89	897.633,67	103,43	21,78	57,10
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	284,77	3.025,88	108,69	95,29	91,47
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	284,77	3.025,88	108,69	95,29	91,47
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	19.052,01	206.022,19	108,49	92,87	91,15
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	-	-	-	-	-
Đường thủy nội địa	-	-	-	-	-
Đường bộ	19.052,01	206.022,19	108,49	92,87	91,15
Hàng không	-	-	-	-	-